

TÁC ĐỘNG CỦA ĐỔI MỚI XANH ĐẾN THÀNH QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP: VAI TRÒ TRUNG GIAN CỦA KẾ TOÁN QUẢN TRỊ MÔI TRƯỜNG

TS. Phạm Ngọc Toàn* - TS. Trần Thị Thanh Huyền**

Nghiên cứu được thực hiện nhằm mục tiêu kiểm định và đo lường vai trò trung gian của kế toán quản trị môi trường trong mối quan hệ giữa đổi mới xanh và thành quả hoạt động của doanh nghiệp. Dữ liệu nghiên cứu thu thập từ 178 doanh nghiệp sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh, xử lý dữ liệu bằng phần mềm SmartPLS với kỹ thuật PLS SEM, kết quả nghiên cứu cho thấy đổi mới xanh góp phần nâng cao mức độ sử dụng kế toán quản trị môi trường và thành quả hoạt động của doanh nghiệp. Cuối cùng, một số hàm ý được đề xuất nhằm nâng cao thành quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua đổi mới xanh và kế toán quản trị môi trường.

• Từ khóa: đổi mới xanh; thành quả hoạt động; kế toán quản trị môi trường.

The study was conducted with the objective of testing and measuring the mediating role of environmental management accounting in the relationship between green innovation and firm performance. Research data were collected from 178 manufacturing enterprises in Ho Chi Minh City and processed using SmartPLS software with the PLS-SEM technique. The results indicate that green innovation contributes to an increased utilization of environmental management accounting and improved firm performance. Finally, several implications are proposed to enhance firm performance through green innovation and environmental management accounting.

• Key words: green innovation; firm performance; environmental management accounting.

JEL codes: M4, M41

Ngày gửi bài: 07/4/2025

Ngày gửi phản biện: 08/4/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 07/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 02/8/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i295.16>

1. Giới thiệu

Sự bất ổn của thị trường kinh doanh toàn cầu đã khiến các doanh nghiệp, dù ở các nước phát triển hay đang phát triển, phải đối mặt với cạnh tranh ngày càng khốc liệt (Mateev & Anastasov, 2010). Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp phải giải quyết những đặc điểm khó khăn như sự phức tạp và thay đổi nhanh chóng của môi trường, nhu cầu cao từ phía khách hàng, cùng với cạnh tranh gay gắt và tiến bộ vượt bậc của công nghệ. Vì vậy, để duy trì lợi thế cạnh tranh, các doanh

nh nghiệp cần không ngừng đổi mới, liên tục xây dựng, tích hợp và định hình lại các kỹ năng cũng như năng lực của mình để thích ứng với môi trường kinh doanh (Teece và cộng sự, 1997). Đặc biệt, trong các ngành sản xuất - nơi sự bất ổn và cạnh tranh nhằm giành thị phần càng trở nên nghiêm trọng - đổi mới trở thành yếu tố sống còn (Lisboa và cộng sự, 2011). Áp lực từ các yếu tố này buộc doanh nghiệp phải liên tục thích nghi, phát triển và đổi mới để hướng tới thành công bền vững (Hadjimanolis, 1999; Karagouni & Papadopoulos, 2007).

Trong bối cảnh đó, mối quan hệ giữa đổi mới xanh và thành quả hoạt động của doanh nghiệp vẫn chưa có kết quả thống nhất trong các nghiên cứu. Một số nghiên cứu cho rằng năng lực đổi mới đòi hỏi đầu tư lớn và sự phát triển liên quan đến kiến thức cùng nguồn lực, khiến doanh nghiệp phải giao tiếp chặt chẽ với các nhà cung cấp, khách hàng và nhà đầu tư, cũng như mất nhiều thời gian để phát triển (Yao và cộng sự, 2019). Ngược lại, các nghiên cứu khác chỉ ra rằng đổi mới xanh có thể cải thiện hoạt động kinh doanh, giảm chi phí sản xuất và nâng cao danh tiếng doanh nghiệp, từ đó mang lại những cải thiện đáng kể về hiệu quả môi trường lẫn thành quả hoạt động (Banerjee, 2001; Nam và Trâm, 2019; Phan, 2019; Trinh và Nguyễn, 2017). Tuy nhiên, việc tạo ra các sáng kiến thân thiện với môi trường không hề đơn giản; nó đòi hỏi nguồn đầu tư tài chính đáng kể cũng như thông tin chính xác, chi tiết và có liên quan đến đổi mới và các vấn đề môi trường, qua đó dẫn đến nhu cầu sử dụng thông tin từ kế toán quản trị môi trường.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu khai thác mối quan hệ giữa đổi mới xanh và kế toán quản trị môi trường, tuy nhiên, ít có nghiên cứu kết hợp cả hai yếu tố này vào đánh giá thành quả hoạt động của doanh nghiệp -

* Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh; email: toanpn@ueh.edu.vn

** Phân hiệu trường Đại học Thủy Lợi; email: thanhhuyen@tlu.edu.vn

đặc biệt là trong việc kiểm định vai trò trung gian của kế toán quản trị môi trường giữa đổi mới xanh và hiệu quả hoạt động. Vì vậy, mối quan hệ này cần được tiếp tục nghiên cứu và làm rõ, nhằm giúp các doanh nghiệp sản xuất có định hướng đầu tư vào đổi mới xanh và kế toán quản trị môi trường một cách phù hợp, từ đó thúc đẩy thành quả hoạt động bền vững.

2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Các khái niệm nghiên cứu

Đổi mới xanh: Đổi mới có thể được hiểu là suy nghĩ về những ý tưởng mới mang tính sáng tạo trong các hoạt động sản xuất hàng hóa mới, triển khai các quy trình mới hoặc thành lập các doanh nghiệp mới vì các doanh nghiệp sẽ không tồn tại lâu dài nếu họ không đổi mới trong hoạt động của mình (Wong, 2012). Khái niệm đổi mới xanh không khác nhiều so với khái niệm đổi mới thông thường nhằm mục đích cải thiện sản phẩm để tăng năng suất, hiệu quả chi phí và cũng mở ra các cơ hội thị trường mới (Hidayat và cộng sự, 2024). Trong khi đó, đổi mới xanh không chỉ nhằm mục đích cải thiện hiệu suất kinh tế của doanh nghiệp mà còn giảm tác động tiêu cực đến môi trường và tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp (Agustia và cộng sự, 2019).

Kế toán quản trị môi trường: Kế toán quản trị môi trường là quản lý môi trường và hiệu quả kinh tế thông qua việc xây dựng và triển khai các hệ thống kế toán liên quan đến môi trường và các hoạt động thực tiễn của nó một cách phù hợp (Liên đoàn Kế toán Quốc tế, 2005). Kế toán quản trị môi trường có thể làm tăng sự hài lòng của các bên liên quan (Kong và cộng sự, 2022). Điều này là do các doanh nghiệp có thành quả môi trường cao có thể duy trì các lợi ích tài chính và xã hội dài hạn bên cạnh khả năng ra quyết định. Điều này hỗ trợ cho lý thuyết các bên liên quan, khi cho rằng các bên liên quan không chỉ đánh giá doanh nghiệp thông qua lợi nhuận họ tạo ra mà còn từ cách doanh nghiệp quản lý tốt các vấn đề môi trường, cân bằng với giá trị kinh tế của mình. Do đó, các bên liên quan hỗ trợ các doanh nghiệp đã triển khai kế toán quản trị môi trường về mặt tối đa hóa chi phí vì kế toán quản trị môi trường có thể kết nối khía cạnh kinh tế và khía cạnh môi trường của doanh nghiệp (Agustia và cộng sự, 2019).

Thành quả hoạt động của doanh nghiệp: Thành quả hoạt động của doanh nghiệp được thể hiện thông qua thành quả tài chính, phi tài chính và là kết quả của việc sử dụng hiệu quả của các nguồn lực của doanh nghiệp (Venkatraman và Ramanujam, 1986).

2.2. Đề xuất giả thuyết nghiên cứu

Liên kết kế toán quản trị môi trường với đổi mới xanh, Ferreira và cộng sự (2010) cũng nghiên cứu mối liên hệ quan trọng giữa đổi mới sản phẩm và quy trình với việc sử dụng kế toán môi trường. Kết quả nghiên

cứ của Somjai và cộng sự (2020) tìm thấy bằng chứng thực nghiệm về tác động của đổi mới xanh đến kế toán quản trị môi trường của doanh nghiệp. Các dự án đổi mới sản phẩm xanh (sản phẩm thân thiện với môi trường) hoặc quy trình sản xuất xanh (quy trình tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải) tạo ra các chi phí và lợi ích liên quan đến môi trường. Do đó, các doanh nghiệp cần tích hợp kế toán quản trị môi trường để đo lường chính xác chi phí môi trường (như chi phí xử lý chất thải, năng lượng tái tạo) và lợi ích đạt được (tiết kiệm tài nguyên, giảm thiểu ô nhiễm). Từ đó, EMA trở thành công cụ không thể thiếu để hỗ trợ doanh nghiệp quản lý tốt hơn các chi phí liên quan đến đổi mới xanh và đưa ra quyết định hiệu quả.

Giả thuyết 1 (H1): Đổi mới xanh ảnh hưởng thuận chiều đến kế toán quản trị môi trường của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Các nghiên cứu cho thấy đổi mới xanh mang lại giá trị vượt trội cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Lutfi và cộng sự (2023) khẳng định rằng, việc áp dụng các giải pháp xanh không chỉ giúp bảo tồn tài nguyên và giảm ô nhiễm mà còn duy trì lợi nhuận ổn định, tạo nên lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp không chú trọng yếu tố này. Nghiên cứu của Weng và cộng sự (2015), dựa trên phản hồi từ 202 công ty tại Đài Loan, cũng ghi nhận mối quan hệ tích cực giữa đổi mới xanh và thành quả hoạt động, qua đó giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả môi trường và khả năng cạnh tranh. Những kết quả này được củng cố thêm bởi các nghiên cứu của Haseeb và cộng sự (2019) và Chiou và cộng sự (2011). Đổi mới xanh, hay green innovation, là quá trình áp dụng công nghệ, sản phẩm và quy trình thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đồng thời nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đặc biệt, trong các doanh nghiệp sản xuất, đổi mới xanh không chỉ giúp giảm chi phí xử lý chất thải và tránh các khoản phạt do vi phạm quy định môi trường mà còn tận dụng các chính sách ưu đãi tài chính như tín dụng xanh hoặc giảm thuế. Bên cạnh đó, việc đổi mới sản phẩm xanh đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng tăng góp phần thúc đẩy doanh thu, mở rộng thị phần và nâng cao uy tín thương hiệu. Qua đó, đổi mới xanh được xem là chiến lược kinh doanh quan trọng, góp phần tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Giả thuyết 2 (H2): Đổi mới xanh có ảnh hưởng thuận chiều đến thành quả hoạt động của doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Lutfi và cộng sự (2023) cho rằng thành quả môi trường phản ánh cam kết của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường qua kiểm soát ô nhiễm, giảm chất thải, hạn chế phát thải và tái chế. Hệ thống kế toán quản trị môi trường (EMA) cung cấp thông tin kịp thời từ nhiều nguồn, hỗ trợ các nhà quản lý, đặc biệt ở doanh

ngành vừa và nhỏ, trong việc ra quyết định chiến lược nhằm giảm chi phí năng lượng, xử lý chất thải và kiểm soát ô nhiễm. Nhờ đó, EMA giúp doanh nghiệp nhận diện và khắc phục các vấn đề môi trường, tối ưu hóa nguồn lực và đầu tư vào công nghệ xanh, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh và lợi nhuận. Tích hợp EMA góp phần thúc đẩy các chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

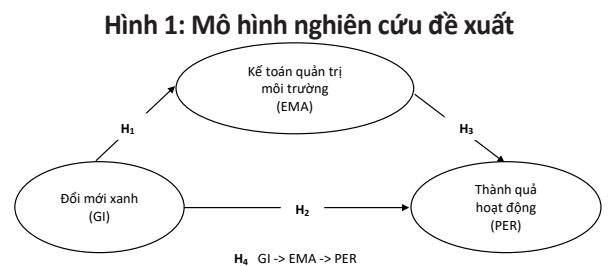
Giả thuyết 3 (H3): Kế toán quản trị môi trường có ảnh hưởng thuận chiều đến thành quả hoạt động của doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh.

Somjai và cộng sự (2020) cho rằng, trong bối cảnh môi trường ngày càng xấu đi, các doanh nghiệp càng chú trọng đến việc xác định tác động của mình đối với môi trường. Áp lực từ các quy định pháp luật và yêu cầu của khách hàng về sản phẩm, dịch vụ bền vững buộc doanh nghiệp phải thực hiện các hoạt động xanh để duy trì sức cạnh tranh trên thị trường toàn cầu. Điều này làm nổi bật vai trò của đổi mới xanh và hệ thống kế toán quản trị môi trường. EMA không chỉ đo lường chi phí môi trường mà còn cung cấp thông tin kịp thời hỗ trợ ra quyết định chiến lược, từ đó tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả quản lý và đảm bảo phát triển bền vững. Hệ thống này giúp doanh nghiệp xác định chính xác chi phí và lợi ích của các sáng kiến xanh, đo lường thành quả tài chính và phi tài chính, đồng thời thúc đẩy văn hóa bền vững và tăng tính minh bạch với các bên liên quan. Qua đó, EMA tạo cầu nối giữa đổi mới xanh và hiệu quả hoạt động, giúp doanh nghiệp cải thiện hiệu quả kinh doanh và tạo ra lợi thế cạnh tranh dài hạn.

Giả thuyết H4: Tồn tại vai trò trung gian của kế toán quản trị môi trường trong mối quan hệ giữa đổi mới xanh và thành quả hoạt động của doanh nghiệp sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Mô hình nghiên cứu

Dựa trên các nghiên cứu trước có liên quan, lý thuyết nền nghiên cứu, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như sau:



Nguồn: Tác giả đề xuất

2.4. Phương pháp và dữ liệu nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng được sử dụng. Trong đó, phương pháp nghiên cứu định tính được thực hiện với kỹ thuật thảo luận chuyên gia nhằm hiệu chỉnh mô hình và thang đo lường các khái niệm

nghiên cứu được kế thừa từ kết quả các nghiên cứu trước đây. Từ đó, hình thành mô hình nghiên cứu chính thức, thang đo nghiên cứu chính thức cho các khái niệm nghiên cứu trong mô hình. Đây cũng là căn cứ để tác giả xây dựng bảng câu hỏi nghiên cứu dùng cho thu thập dữ liệu nghiên cứu ở bước nghiên cứu định lượng. Phương pháp nghiên cứu định lượng được sử dụng nhằm nghiên cứu mối quan hệ giữa đổi mới xanh, kế toán quản trị môi trường và thành quả hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh. Xử lý dữ liệu bằng phần mềm SmartPLS 4 với kỹ thuật PLS SEM qua các bước gồm thống kê mô tả, kiểm tra sai lệch trong đo lường do phương pháp, đánh giá mô hình đo lường, đánh giá mô hình cấu trúc và kiểm định các giả thuyết nghiên cứu.

Dữ liệu thu thập bằng bảng câu hỏi khảo sát. Đơn vị phân tích là các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh. Các mục hỏi được đo lường trên thang đo Likert 5 mức độ từ (1) Hoàn toàn không đồng ý đến (5) Hoàn toàn đồng ý.

Mẫu được chọn bằng phương pháp chọn mẫu có chủ đích. Nghị định 40/2019/NĐ-CP yêu cầu các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường bắt buộc phải áp dụng tiêu chuẩn ISO 14001, do đó, các doanh nghiệp này có mức độ áp dụng các sáng kiến đổi mới xanh và vận dụng kế toán quản trị môi trường cao hơn. Do vậy, trong nghiên cứu này, các doanh nghiệp được chọn là doanh nghiệp đã có chứng chỉ ISO 14001.

3. Kết quả nghiên cứu

Phiếu khảo sát được gửi đến các nhà quản trị cấp trung và cấp cao được chọn thuận tiện từ danh sách các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh có chứng chỉ ISO 14001. Tại mỗi doanh nghiệp, một nhà quản trị cấp cao hoặc cấp trung với ít nhất 3 năm kinh nghiệm được lựa chọn, nhằm đảm bảo họ hiểu biết toàn diện về doanh nghiệp và nâng cao chất lượng dữ liệu thu thập được.

Bảng 1: Kết quả thống kê mẫu nghiên cứu (n= 178)

Biến	Nhóm/Giá trị	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	100	56,18
	Nữ	78	43,82
Độ tuổi	Dưới 30 tuổi	30	16,85
	Từ 30 đến 40 tuổi	90	50,56
	Từ 41 đến 50 tuổi	40	22,47
	Trên 50 tuổi	18	10,11
Trình độ học vấn	Cao đẳng/ trung cấp	25	14,04
	Đại học	120	67,42
	Sau đại học	33	18,54
Vị trí chức vụ	Quản lý cấp cao	60	33,71
	Quản lý cấp trung	118	66,29
	Từ 3 đến dưới 5 năm	34	19,1
Thâm niên công tác	Từ 5 đến 10 năm	97	54,49
	Trên 10 năm	47	26,4
Quy mô doanh nghiệp	Không quá 10 lao động	10	5,62
	Không quá 50 lao động	90	50,56
	Không quá 100 lao động	58	32,58
	Từ 100 lao động trở lên	20	11,24

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Kết quả đánh giá mô hình đo lường cho thấy điều kiện về độ tin cậy (Cronbach's Alpha; CR), giá trị hội tụ (Outer loading; AVE) và phân biệt (Fornell Lacker; HTMT) của các thang đo đều đáp ứng yêu cầu (bảng 2).

Bảng 2: Kết quả kiểm định mô hình đo lường

Khái niệm nghiên cứu/ Biến quan sát	α (>0.7)	CR (>0.7)	AVE (>0.5)	Hệ số tải ngoài (>0.5)
Đổi mới xanh (GI)				
GI1	0.807	0.874	0.634	0.780
GI2				0.793
GI3				0.799
GI4				0.811
Kế toán quản trị môi trường (EMA)				
EMA1	0.849	0.888	0.570	0.748
EMA2				0.744
EMA3				0.745
EMA4				0.697
EMA5				0.780
EMA6				0.811
Thành quả hoạt động (PER)				
PER1	0.906	0.934	0.781	0.899
PER2				0.905
PER3				0.851
PER3				0.878
Ghi chú: α : Cronbach's Alpha; CR: độ tin cậy tổng hợp; AVE: giá trị phương sai trích trung bình; outer loading: hệ số tải ngoài				

Ghi chú: α : Cronbach's Alpha; CR: độ tin cậy tổng hợp; AVE: giá trị phương sai trích trung bình; outer loading: hệ số tải ngoài

Nguồn: tác giả tổng hợp

Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc được thể hiện ở bảng bên dưới:

Bảng 3: Kết quả kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	β	T Statistics	P Values	R^2	R^2 Adjusted	f^2
H1: Đổi mới xanh $\rightarrow$ Kế toán quản trị môi trường	0.507	9.407	0.000	0.257	0.252	0.345
H2: Đổi mới xanh $\rightarrow$ Thành quả hoạt động	0.498	11.569	0.000	0.734	0.731	0.692
H3: Kế toán quản trị môi trường $\rightarrow$ Thành quả hoạt động	0.489	11.388	0.000			0.669
H4: Đổi mới xanh $\rightarrow$ Kế toán quản trị môi trường $\rightarrow$ Thành quả hoạt động	0.248	7.525	0.000			

Nguồn: Tác giả tổng hợp từ phần mềm Smart PLS

Dựa trên kết quả phân tích mô hình, có thể kết luận rằng đổi mới xanh có tác động tích cực đến vận dụng kế toán quản trị môi trường và thành quả hoạt động. Cụ thể, hệ số $\beta = 0.507$ ($t = 9.407$, $p = 0.000$) cho thấy đổi mới xanh có ảnh hưởng đáng kể đến vận dụng kế toán quản trị môi trường, với mức độ giải thích biến thiên của vận dụng kế toán quản trị môi trường đạt 25.7% ($R^2 = 0.257$). Đồng thời, đổi mới xanh cũng có tác động mạnh mẽ đến thành quả hoạt động với $\beta = 0.498$ ($t = 11.569$, $p = 0.000$), và mức độ tác động lớn ($f^2 = 0.692$).

Bên cạnh đó, vận dụng kế toán quản trị môi trường cũng có ảnh hưởng đáng kể đến thành quả hoạt động ($\beta = 0.489$, $t = 11.388$, $p = 0.000$), với mức độ giải thích lên đến 73.4% ($R^2 = 0.734$, R^2 hiệu chỉnh = 0.731), cho thấy vận dụng kế toán quản trị môi trường đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện thành quả hoạt động. Ngoài ra, vận dụng kế toán quản trị môi trường còn đóng vai trò trung gian trong mối quan hệ giữa đổi mới xanh và thành quả hoạt động ($\beta = 0.248$, $t = 7.525$, $p = 0.000$), chứng tỏ rằng việc áp dụng kế toán quản trị môi trường có thể giúp doanh nghiệp tối ưu hóa lợi ích từ đổi mới xanh.

4. Kết luận

Nhìn chung, kết quả này khẳng định rằng việc áp dụng đổi mới xanh không chỉ trực tiếp nâng cao thành quả hoạt động của doanh nghiệp mà còn thông qua cơ chế gián tiếp qua vận dụng kế toán quản trị môi trường. Do đó, doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh cần đẩy mạnh đầu tư vào công nghệ xanh, tối ưu hóa quy trình sản xuất và áp dụng kế toán quản trị môi trường để kiểm soát chi phí môi trường hiệu quả hơn. Việc tích hợp kế toán quản trị môi trường không chỉ giúp giảm lãng phí mà còn nâng cao tính minh bạch và khả năng cạnh tranh. Dù đầu tư ban đầu có thể cao, nhưng về dài hạn, đổi mới xanh và kế toán quản trị môi trường giúp doanh nghiệp giảm chi phí vận hành, tuân thủ quy định và phát triển bền vững. Đồng thời, doanh nghiệp nên tận dụng công nghệ số, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, để tự động hóa phân tích dữ liệu môi trường, từ đó xây dựng chiến lược quản lý hiệu quả và theo dõi tiến trình thực hiện.

Tuy đã giải quyết được các mục tiêu nghiên cứu, nhưng nghiên cứu này vẫn không tránh khỏi tồn tại những hạn chế như sau: (1) Quy mô mẫu nhỏ ($n = 178$) và tập trung vào các doanh nghiệp đã có chứng chỉ ISO 14001, do đó có thể chưa phản ánh đầy đủ đặc điểm của tổng thể nghiên cứu là tất cả các doanh nghiệp sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh. (2) Nghiên cứu này chưa đưa vào các biến kiểm soát có thể tác động đến thành quả hoạt động của doanh nghiệp như quy mô, đòn bẩy tài chính, và cấu trúc sở hữu,... để tăng cường tính chính xác của kết quả. (3) Nghiên cứu này thu thập dữ liệu khảo sát tại một thời điểm, nên có thể chưa phản ánh đầy đủ mối quan hệ giữa đổi mới xanh, vận dụng kế toán quản trị môi trường và thành quả hoạt động. Do đó, các nghiên cứu trong tương lai có thể thu thập dữ liệu tại nhiều thời điểm để nâng cao độ tin cậy của kết quả.

Tài liệu tham khảo:

- Agustia, D., Muhammad, I., & Savitri, H. (2019). Green innovation and firm performance: The mediating role of environmental management accounting. *Journal of Environmental Management*, 254, 109771.
- Banerjee, S. B. (2001). Managerial perceptions of corporate environmentalism: Interpretation from industry and strategic implications. *Journal of Management Studies*, 38(4), 489-513.
- Chiou, T. Y., Chan, H. K., Lettice, F., & Chung, S. H. (2011). The influence of greening the suppliers and green innovation on environmental performance and competitive advantage in Taiwan. *Transportation Research Part E: Logistics and Transportation Review*, 47(6), 822-836.
- Ferreira, A., Moulang, C., & Hendro, B. (2010). Environmental management accounting and innovation: An exploratory analysis. *Accounting, Auditing & Accountability Journal*, 23(7), 920-948.
- Hadjimanolis, A. (1999). Barriers to innovation for SMEs in a small less developed country (Cyprus). *Technovation*, 19(9), 561-570.
- Haseeb, M., Hussain, H. I., Ślusarczyk, B., & Jermisittiparsert, K. (2019). Industry 4.0: A solution towards technology challenges of sustainable business performance. *Social Sciences*, 8(5), 184.
- Nam, T. L., & Trâm, H. P. (2019). Green innovation and corporate performance: Evidence from Vietnam. *Journal of Environmental Economics and Policy*, 8(3), 1-15.
- Phan, T. M. (2019). Impact of green innovation on firm performance in emerging economies: The case of Vietnam. *Sustainability*, 11(24), 7024.
- Somjai, S., Jermisittiparsert, K., & Rachadaku, P. (2020). Green innovation, environmental management accounting, and firm performance: Evidence from Southeast Asia. *Management Research Review*, 43(7), 789-813.
- Teece, D. J., Pisano, G., & Shuen, A. (1997). Dynamic capabilities and strategic management. *Strategic Management Journal*, 18(7), 509-533.
- Trinh, T. K., & Nguyễn, H. T. (2017). The role of environmental management accounting in green business strategies in Vietnam. *International Journal of Business & Management Studies*, 9(2), 122-138.
- Venkatraman, N., & Ramanujam, V. (1986). Measurement of business performance in strategy research: A comparison of approaches. *Academy of Management Review*, 11(4), 801-814.
- Weng, H. H., Chen, J. S., & Chen, P. C. (2015). Effects of green innovation on environmental and corporate performance: A stakeholder perspective. *Sustainability*, 7(2), 1-18.
- Wong, S. K. S. (2012). The influence of green product competitiveness on the success of green product innovation: Empirical evidence from the Chinese electrical and electronics industry. *European Journal of Innovation Management*, 15(4), 468-490.
- Yao, Y., Yao, Q., Zhang, X., & Zhang, Y. (2019). Green innovation and corporate performance: Evidence from listed companies in China. *Journal of Cleaner Production*, 234, 655-666.